

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **40/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-10-2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L - TỈNH Đ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đăng Tô

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Thân

Ông Võ Ảnh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 441/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nông Thị P**, sinh năm 1968; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 6, ấp Bàu Trâm, xã Bàu Trâm, thành phố L, tỉnh Đ; nơi cư trú: Số nhà 65, Hẻm số 6, đường Lương Thế Vinh, Tổ 5, Khu phố 2, phường Phú Bình, thành phố L, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1966; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 6, ấp Bàu Trâm, xã Bàu Trâm, thành phố L, tỉnh Đ; nơi cư trú: Số nhà 65, Hẻm số 6, đường Lương Thế Vinh, Tổ 5, Khu phố 2, phường Phú Bình, thành phố L, tỉnh Đ.

(Bà P, ông P đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-6-2019, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà Nông Thị P trình bày, tranh luận:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông Nguyễn Văn P kết hôn năm 1995, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Xuân Lộc, huyện L (cũ), được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13-6-1995, là hôn nhân tự nguyện, không bị ai cưỡng ép, lừa dối.

Đời sống chung của vợ chồng hạnh P, đầm ấm đến khoảng năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cá tính vợ chồng không hợp nhau. Theo bà P, ông P ham chơi, không có ý thức tạo lập kinh tế của gia đình, không phụ giúp bà trong việc chăm sóc các con, cũng như phụ giúp các chi phí sinh hoạt trong gia đình, ông P còn ghen tuông vô cớ, cho rằng bà có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, vi phạm nghĩa vụ chung thủy của vợ chồng. Ngoài ra, theo bà P, ông P còn thường xuyên có hành vi xúc phạm danh dự và đánh đập bà (việc đánh đập không để lại thương tích). Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2016, bà P ra sống riêng, vợ chồng không sống chung trong thời gian khoảng một năm. Đến năm 2017, ông P dọn về sinh sống cùng bà P nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn tái diễn và có phần thêm trầm trọng. Trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà P đã hai lần nộp đơn yêu cầu ly hôn, thông qua hòa giải tại Tòa án, bà đã rút đơn, tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành. Nay bà P xác định, tình cảm vợ chồng không còn, để ổn định đời sống riêng, bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Về con: Theo bà P, bà và ông P có 02 (Hai) người con là: Nguyễn Thành Trung, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Ngọc Trinh, sinh năm 2000. Hiện các con đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà P không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Theo bà P, bà và ông P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Theo bà P, vợ chồng không nợ bất cứ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30-9-2019, bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày, tranh luận:

Về việc xác lập quan hệ hôn nhân của vợ chồng, ông P thừa nhận đúng như bà P đã trình bày, ông bà quen biết nhau khoảng mười năm thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định.

Theo ông P, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ khoảng năm 2013, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau. Bản thân ông nghi ngờ bà P có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, vi phạm nghĩa vụ chung thủy của vợ chồng, ông và bà P có tranh cãi về vấn đề này nhưng bà P không thừa nhận mà cho rằng, đó là chỉ mối quan hệ làm ăn. Từ đây, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm danh dự của nhau, nhiều lần do bức xúc, không kiềm chế được bản thân, ông có đánh đập bà P nhưng không để lại thương tích gì đáng kể. Do mâu thuẫn trầm trọng, đã hai lần bà P nộp đơn yêu cầu ly hôn, tuy nhiên, sau đó bà P rút đơn để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ. Sau khi rút đơn, bà P vẫn không thừa nhận lỗi, luôn cho rằng việc làm của mình là đúng, nên khả năng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng là không có. Đối với yêu cầu ly hôn của bà P, ông P xác định, ông vẫn còn tình cảm với bà P nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà P.

Về con: Ông P thừa nhận, vợ chồng có hai người con như bà P trình bày là đúng, hiện các con đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Ông P xác định, vợ chồng không nợ bất cứ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thực tế mâu thuẫn giữa vợ chồng ông P, bà P, kết quả xác minh như sau:

Tại Biên bản xác minh ngày 30-8-2019 (bút lục số 39), Công an xã Bàu Trâm cung cấp thông tin như sau: Ông P và bà P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 6, ấp Bàu Trâm, xã Bàu Trâm, thành phố L. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng đã bán nhà, sinh sống nơi khác. Quá trình chung sống tại xã Bàu Trâm, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bà P có nhờ chính quyền địa phương can thiệp việc ông P có hành vi đánh đập bà. Sau khi nhận tin báo, Công an xã đã mời ông P đến trụ sở, tiến hành giáo dục, nhắc nhở và yêu cầu ông P chấm dứt hành vi vi phạm.

Tại Biên bản xác minh ngày 24-9-2019 (bút lục số 40), Công an phường Phú Bình cung cấp thông tin như sau: Bà P và ông P cùng hai người con hiện đang sinh sống tại: Số nhà 65, Hẻm số 6, đường Lương Thế Vinh, Tổ 5, Khu phố 2, thành phố L, tỉnh Đ. Đối với mâu thuẫn giữa ông P và bà P, chính quyền địa phương không nắm được. Tuy nhiên, vào khoảng năm 2018, bà P có đến trình báo sự việc bà bị ông P đánh đập và nhờ chính quyền can thiệp. Tuy nhiên, do hành vi vi phạm đã chấm dứt, bà P không bị thương tích và không yêu cầu xử lý nên Công an phường không lập biên bản.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà P được ly hôn với ông P; về con: Các con đã thành niên và có khả năng lao động nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu; về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nông Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn P, vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Văn P có nơi cư trú: Số nhà 65, Hẻm số 6, đường Lương Thế Vinh, Tổ 5, Khu phố 2, phường Phú Bình, thành phố L, tỉnh Đ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà P và ông P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự (Bút lục số 55, 56).

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Căn cứ vào lời khai của của các đương sự về quá trình chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng phù hợp với nhau, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, có đủ cơ sở để xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng ông P, bà P đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông P là có cơ sở chấp nhận.

[5] Ông P đề nghị được đoàn tụ gia đình, cho rằng vẫn còn tình cảm với bà P, không đồng ý ly hôn; mặt khác lại thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và khẳng định, do bà P không thay đổi tính nết, nên vợ chồng không có khả năng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình. Vì vậy, đề nghị được đoàn tụ gia đình của ông P, là không có cơ sở.

[6] Về con: Ông P và bà P có hai người con là: Nguyễn Thành Trung, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Ngọc Trinh, sinh năm 2000. Các đương sự thừa nhận, hiện các con đã thành niên và có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét, giải quyết; về nợ chung: Các đương sự xác định, không có nợ chung nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bà P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó bà phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị P về việc “Ly hôn” đối với ông Nguyễn Văn P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nông Thị P và ông Nguyễn Văn P.

2. Về con: Các con Nguyễn Thành Trung, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Ngọc Trinh, sinh năm 2000, hiện đã thành niên và có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu; về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nông Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà P đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 009840 ngày 24-7-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Đ. Bà P đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố L;
- Chi cục THA thành phố L;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Xuân Bình (số 01/1995, ngày 13-5-1995, để ghi vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tổ